

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 23 – Tháng 12 Năm 2024 – Capable Counsel

I. Lĩnh vực thương mại

1.1. Thông tư 13/2024/TT-BLĐTBXH sửa đổi Thông tư 26/2018/TT-BLĐTBXH quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH như sau: “2. Nguyên tắc, trình tự, hồ sơ, xử lý hồ sơ công bố hợp quy, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH như sau: “3. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tổ chức, cá nhân đó đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.”

Bãi bỏ khoản 5 Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 13 và Phụ lục I của Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH.

Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BLĐTBXH bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2025.

Các hồ sơ công bố hợp quy được tiếp nhận theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BLĐT BXH trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BLĐT BXH.

1.2. Nghị quyết 28/2024/NQ-HĐND điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP để thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định 84/2024/NĐ-CP thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh

Nghị quyết này điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8, Điều 28, 29 và khoản 3, 4 Điều 32 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP để thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 84/2024/NĐ-CP.

Nội dung điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ:

1. Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm, quyền cấp, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không lấy ý kiến Bộ Công Thương, đối với các trường hợp sau:

a) Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (bao gồm cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) được lập trong trung tâm thương mại và có diện tích dưới 500m²; cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) có diện tích dưới 500m² đặt ngoài trung tâm thương mại.

b) Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) có diện tích dưới 100m², không nằm trong trung tâm thương mại và đã được Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế của Thành phố thống nhất chấp thuận cấp phép.

c) Cấp điều chỉnh tăng diện tích đến dưới 500m² đối với cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) đặt ngoài trung tâm thương mại.



d) Cấp điều chỉnh tăng diện tích đối với cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất (không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini) có diện tích dưới 100m², không nằm trong trung tâm thương mại và đã được Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế của Thành phố thống nhất chấp thuận.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thời hạn giải quyết

a) Thủ tục nêu điểm a khoản 1 Điều này: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

b) Thủ tục nêu điểm b khoản 1 Điều này: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

c) Thủ tục nêu điểm c khoản 1 Điều này: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

d) Thủ tục nêu điểm a khoản 1 Điều này: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

4. Các bộ phận khác cấu thành thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.”

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2024.

1.3. Thông tư 28/2024/TT-BCT quy định định mức sử dụng năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và đồ uống không cồn do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành

Thông tư này quy định về phương pháp xác định mức sử dụng năng lượng, định mức sử dụng năng lượng và chế độ báo cáo trong ngành công nghiệp sản xuất bia và đồ uống không cồn.

Phương pháp xác định mức sử dụng năng lượng:

- Mức sử dụng năng lượng trong sản xuất bia được xác định theo phương pháp tại Phụ lục I Thông tư này.



- Mức sử dụng năng lượng trong sản xuất đồ uống không còn được xác định theo phương pháp tại Phụ lục II Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 và thay thế Thông tư số 19/2016/TT-BCT ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mức tiêu hao năng lượng trong ngành công nghiệp sản xuất bia và nước giải khát.

II. Lĩnh vực thuế, phí, lệ phí

2.1. Quyết định 2869/QĐ-BTC năm 2024 công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Cơ quan thực hiện
Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (hoặc cơ quan được Bộ Công an, Bộ Quốc phòng giao tiếp nhận Tờ khai phí)

Thành phần hồ sơ: Tờ khai phí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2025.

2.2. Nghị quyết 31/2024/NQ-HĐND quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp



Nghị quyết này quy định lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập phát sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Thành phố) để thực hiện miễn thuế thu nhập cá nhân, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 và Điều 13, Điều 14 Nghị định số 11/2024/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2024.

Lĩnh vực ưu tiên:

- Lĩnh vực Thương mại điện tử.
- Lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- Lĩnh vực Logistic.
- Lĩnh vực Công nghệ giáo dục.
- Lĩnh vực Y tế và chăm sóc sức khỏe.
- Lĩnh vực Nông nghiệp công nghệ cao.
- Lĩnh vực Phát triển bền vững.
- Lĩnh vực Chuyển đổi số.
- Lĩnh vực An ninh mạng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2.3. Thông tư 86/2024/TT-BTC quy định về đăng ký thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Thông tư này quy định về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, cấu trúc mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Quản lý thuế; thủ tục về đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý thuế và biện pháp thực hiện chức năng quản lý thuế đối với đăng ký thuế.

Đối tượng áp dụng quy định tại Thông tư này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý thuế đối với đăng ký thuế.



Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2025, thay thế Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh được thực hiện đến hết ngày 30/6/2025. Kể từ ngày 01/7/2025, người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng mã số thuế theo quy định tại Điều 35 Luật Quản lý thuế thực hiện sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế.

Trường hợp các văn bản đã dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2.4. Nghị quyết 60/2024/UBTVQH15 về Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành

Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 được quy định như sau:

Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế (đồng/đơn vị hàng hóa)
Xăng, trừ etanol	lít	2.000
Nhiên liệu bay	lít	1.000
Dầu diesel	lít	1.000
Dầu hỏa	lít	600
Dầu mazut	lít	1.000
Dầu nhờn	lít	1.000
Mỡ nhờn	kg	1.000

Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 được thực hiện theo quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số



579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Không áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn quy định tại Mục I khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.5. Nghị định 180/2024/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15

Giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.
- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.
- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.



Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng hoặc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025.

III. Lĩnh vực lao động – tiền lương:

3.1. Thông báo 6150/TB-BLĐTBXH năm 2024 nghỉ tết Âm lịch, nghỉ lễ Quốc khánh, nghỉ lễ ngày Chiến thắng 30/4 và ngày Quốc tế lao động 01/5 năm 2025 đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi tắt là công chức, viên chức) được nghỉ dịp tết Âm lịch năm 2025 từ thứ Bảy ngày 25/01/2025 Dương lịch (tức ngày 26 tháng Chạp năm Giáp Thìn) đến hết Chủ nhật ngày 02/02/2025 Dương lịch (tức ngày mùng 5 tháng Giêng năm Ất Tỵ). Đợt nghỉ này bao gồm 05 ngày nghỉ tết Âm lịch và 04 ngày nghỉ hằng tuần.

Công chức, viên chức được nghỉ dịp lễ Quốc khánh năm 2025 từ thứ Bảy ngày 30/8/2025 đến hết thứ Ba ngày 02/9/2025 Dương lịch. Đợt nghỉ này bao gồm 02 ngày nghỉ lễ Quốc khánh và 02 ngày nghỉ hằng tuần.

Công chức, viên chức được hoán đổi ngày làm việc từ thứ Sáu ngày 02/5/2025 sang thứ Bảy ngày 26/4/2025. Như vậy, dịp nghỉ lễ ngày Chiến thắng 30/4 và ngày Quốc tế lao động 01/5 năm 2025 công chức, viên chức được nghỉ 05 ngày liên tục từ thứ Tư ngày 30/4/2025 đến hết Chủ nhật ngày 04/5/2025 (làm bù vào thứ Bảy ngày 26/4/2025).

3.2. Quyết định 4201/QĐ-SGDĐT năm 2024 sửa đổi Quy chế quản lý và xét duyệt công chức, viên chức, người lao động Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc

đi nước ngoài kèm theo Quyết định 2924/QĐ-SGDĐT do Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và xét duyệt công chức, viên chức, người lao động Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 2924/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 của Quy chế quản lý và xét duyệt công chức, viên chức, người lao động Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 2924/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Thay thế các biểu mẫu của Quy chế quản lý và xét duyệt công chức, viên chức, người lao động Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc đi nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 2924/QĐ-SGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3.3. Quyết định 5905/QĐ-UBND năm 2024 công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh

Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đổi	25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ	Ủy ban nhân dân	Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ



<p>với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</p>	<p>ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể: Hội đồng chính sách xã (phường): Không quá 05 ngày làm Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: Không quá 10 ngày làm việc; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (bao gồm cả thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định): Không quá 10 ngày làm việc.</p>	<p>phường, xã, thị trấn (Hội đồng chính sách cấp xã)</p>	<p>tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc. Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.</p>
<p>Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi</p>	<p>25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể: Hội đồng chính sách xã (phường): Không quá 05 ngày làm việc; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: Không</p>	<p>Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (Hội đồng chính sách xã)</p>	<p>Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.</p>



việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	quá 10 ngày làm việc; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh: Không quá 10 ngày làm việc;		Quyết định số 6003/QĐ-BQP ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.
---	--	--	---

IV. Lĩnh vực đầu tư

4.1. Thông tư 95/2024/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu, chi liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Thông tư này quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu, chi liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP).

Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Nhà đầu tư được lựa chọn có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước các khoản chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư đã được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, chi thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này theo pháp luật về ngân sách nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4.2. Nghị định 182/2024/NĐ-CP quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư



Nghị định này quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Nghị định này áp dụng đối với Quỹ, các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam đáp ứng tiêu chí và điều kiện tại Nghị định này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, áp dụng từ năm tài chính 2024.

4.3. Công văn 6061/TCT-CS năm 2024 vướng mắc về thuế nhà thầu nước ngoài do Tổng cục Thuế ban hành

Đề nghị Cục thuế tỉnh Long An rà soát trình tự thủ tục, hồ sơ áp dụng miễn thuế theo Hiệp định, trường hợp nhà thầu nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và đã thực hiện nộp hồ sơ áp dụng Hiệp định trước khi cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, nếu hồ sơ đủ điều kiện miễn thuế theo Hiệp định thì đề nghị Cục thuế tỉnh Long An nghiên cứu, xử lý hồ sơ miễn thuế theo đúng quy định pháp luật.

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết định đầu tư điểm dừng xe, đỗ xe và xác định vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Đối với các trạm dừng nghỉ đã được phê duyệt và quyết định vị trí, quy mô trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt.